

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN G  
TỈNH ĐIỆN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2023

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn "

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình H

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Minh T

Ông Trần Mạnh Th

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST - HNGĐ ngày 11/01/2023 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Cà Thị Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản Hóc Ch, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lò Văn D (Lò Văn D), sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Bản Hóc Ch, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Địa chỉ hiện nay: Bản Co N, xã Búng L, huyện Mường T, tỉnh Điện B.

Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cà Thị Y trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Lò Văn D (Lò Văn D) lấy nhau có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Thín, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện B vào ngày 27/10/2009. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh D còn đi vào con đường nghiện ma túy, mặc dù đã được chị và hai bên gia đình khuyên bảo song anh D vẫn không thay đổi. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019. Từ đó đến nay anh, chị không quan tâm không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn D.

**Về quan hệ con chung:** Chị Y và anh D có hai con chung: Cháu Cà Thị Q, sinh ngày 12/6/2010 và Cà Văn X, sinh ngày 07/02/2012, hiện hai cháu đang ở với chị Y. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Y không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về: Không có

Sau khi thụ lý vụ án ngày 11/01/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Cà Văn D, mặc dù có đăng ký thường trú và sinh sống tại bản Hốc Ch, xã Mường Th, huyện Tuần G song từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019 anh D thường đi làm ăn xa nhà, nay đây mai đó không báo cho gia đình với địa phương nên gia đình và địa phương không nắm rõ anh D làm gì và cụ thể ở đâu nên không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh D. Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh D vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 15/02/2023, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh D vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh D và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 15/02/2023, chị Cà Thị Y đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2023 và đã niêm yết theo quy định của pháp luật, anh D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 27/4/2023, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/4/2023, anh Lò Văn D thừa nhận về quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn do anh mắc tệ nạn xã hội, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như chị Y trình bày, anh nhất trí giao hai cháu cho chị Y nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản anh thống nhất như ý kiến chị Y: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về: Không có

**Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật:** Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho nguyên đơn chị Cà Thị Y được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn D theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Giao hai cháu Cà Thị Q, sinh ngày 12/6/2010 và Cà Văn X, sinh ngày 07/02/2012 cho chị Cà Thị Y chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Đề nghị chấp nhân việc chị Y, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về: Không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Y.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Cà Thị Y và anh Lò Văn D kết hôn ngày 27/10/2009, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 11/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh D lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thể hiện tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/01/2023 tại bản Hộc Ch, xã Mường Th, huyện Tuần G thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly thân là do anh D nghiện ma túy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa, hiện anh D sống tại bản Co N, xã Búng L, huyện Mường T, tỉnh Điện B.

Căn vào lời khai của chị Y, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh D và các tài liệu chứng cứ thu thập được, HĐXX đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Y và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Y xin ly hôn với anh D cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. **Xét nguyện vọng về con chung và cấp dưỡng:** Chị Y, anh D có hai con chung: Cháu Cà Thị Q, sinh ngày 12/6/2010 và Cà Văn X, sinh ngày 07/02/2012, hiện hai cháu đang ở với chị Y, chị có nguyện vọng được nuôi hai cháu, chị vừa làm ruộng, vừa làm thuê đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của anh D cũng nhất trí giao hai con chung cho chị Y nuôi dưỡng. HĐXX xét nguyện vọng của chị Y, ý kiến của anh D, hai cháu Q và X cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, quyết định căn cứ Điều 81

Luật hôn nhân và gia đình: Quyết định giao hai cháu Cà Thị Q, sinh ngày 12/6/2010 và Cà Văn X, sinh ngày 07/02/2012 cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung

**[6]. Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Chấp nhận việc chị Y, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về: Không có

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị Y là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Y.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho nguyên đơn chị Cà Thị Y được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn D (Lò Văn D).

**2. Về con chung:** Giao 2 cháu Cà Thị Quỳnh, sinh ngày 12/6/2010 và Cà Văn X, sinh ngày 07/02/2012 cho chị Cà Thị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, anh Lò Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Chấp nhận việc chị Y, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về: Không có

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Y.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị Cà Thị Y, bị đơn anh Lò Văn D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Mường Th. (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Đình H**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Minh Tâm    Trần Mạnh Thắng**

**Lê Đình Hà**











